

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC MIRAI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC MIRAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIRAI HUMAN SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109122133

3. Ngày thành lập: 13/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà 10, dãy C9, Khu tập thể Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm - Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
3.	Trồng cây ăn quả	0121
4.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Trồng cây cảnh lâu năm - Trồng các cây lâu năm như: Cây dâu tằm, cây trôm, cây cau, cây trầu không	0129
5.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
6.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
7.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
8.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
9.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
10.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
11.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
12.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
13.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

14.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: - Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh - Chế biến và bảo quản thủy sản khô - Chế biến và bảo quản nước mắm - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
15.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
16.	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: - Sản xuất bánh ngọt khô hoặc làm lạnh, bánh tươi; - Sản xuất bánh mỳ dạng ổ bánh mỳ; - Sản xuất bánh nướng, bánh ngọt, bánh pate, bánh nhân hoa quả... - Sản xuất bánh quy và các loại bánh ngọt khô khác; - Sản xuất sản phẩm ăn nhẹ (bánh bao, bánh tròn, bánh quy cây...) mặn hoặc ngọt; - Sản xuất bánh bắp; - Sản xuất bánh phồng tôm; - Sản xuất bánh ngọt làm lạnh: bánh mềm, bánh cuộn, bánh quế.	1071
17.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
18.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
20.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
21.	In ấn	1811
22.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
23.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2592
25.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
26.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
27.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
28.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
30.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Trừ loại Nhà nước cấm)	3320
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

33.	Bán buôn tổng hợp	4690
34.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
35.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
36.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
38.	Bốc xếp hàng hóa	5224
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics	5229
40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)	6619
43.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Trừ loại nhà nước cấm)	6820

44.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công các công trình xây dựng (Khoản 2 Điều 21 Nghị định 59/2015) - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Khoản 7 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; (Khoản 14 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP) - Tư vấn lập Quy hoạch xây dựng các loại công trình xây dựng (Khoản 27 điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: + Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; + Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; + Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình (Khoản 14 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP) + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; (Điểm b Khoản 1 Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)	7110
45.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động trung tâm dịch vụ việc làm theo Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định về thành lập và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
46.	Cung ứng lao động tạm thời (Trừ hoạt động cho thuê lại lao động)	7820
47.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ hoạt động cho thuê lại lao động)	7830
48.	Đại lý du lịch	7911
49.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Điểm a,b Khoản 1 Điều 31 Luật Du lịch 2017) - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điểm a,b Khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch 2017)	7912
50.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ)	8110
51.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
52.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129

53.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
54.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo)	8230
55.	Dịch vụ đóng gói	8292
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
57.	Đào tạo trung cấp	8532
58.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Dạy các môn thể thao - Dạy thể thao, cắm trại; - Hướng dẫn cổ vũ; - Dạy võ thuật; - Dạy yoga.	8551
59.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: - Dạy nhảy; - Dạy nghệ thuật biểu diễn; - Dạy mỹ thuật;	8552
60.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về kỹ năng sinh tồn; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. - Tư vấn và hỗ trợ cho trẻ mắc các vấn đề như: rối loạn ngôn ngữ (chậm nói, nói ngọng...); mất tập trung, tự kỷ, chậm phát triển trí tuệ	8559
61.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục	8560(Chính)

62.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ giúp việc gia đình	9639
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG QUỐC DU	Đội 7, Xã Liên Phương, Thành phố Hưng yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	0330880063 53	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000		

2	NGUYỄN VĂN XUYỀN	Thôn Kim Đâu, Xã Lạc Long, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	0300850038 77
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000	
3	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Khu 5, Thị trấn Cẩm Khê, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	132055953
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000	
4	NGUYỄN VĂN HẢI	Xóm Chợ, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	0010840224 15
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000	

5	NGUYỄN TIẾN KHANG	Số 36 Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	125113745
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 27/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001084022415

Ngày cấp: 03/04/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chợ, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Chợ, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội